

**BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Mã ngành đào tạo: 73 80 107

HÀ NỘI - 2025

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Luật Kinh tế
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Business law
- Tên Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế
- Mã ngành đào tạo: 7380107
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Phương thức tổ chức đào tạo: Đào tạo theo tín chỉ
- Hình thức đào tạo: Chính quy và vừa làm vừa học
- Hình thức dạy và học: Trực tiếp kết hợp trực tuyến
- Số tín chỉ: 129 tín chỉ (*không bao gồm học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và học phần Giáo dục thể chất*)
- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh Chương trình đào tạo: Tháng 6/2025

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội là đào tạo người học có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc; có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, nắm vững các nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật và kiến thức chuyên môn sâu cần thiết; có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, năng lực tư duy phản biện, khả năng nghiên cứu, sáng tạo, làm việc độc lập hoặc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm theo nhóm trong việc nghiên cứu, truyền bá và áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật nói chung và lĩnh vực chuyên sâu pháp luật kinh tế; có năng lực tự học, thích ứng tốt với môi trường làm việc đa dạng và yêu cầu của hội nhập quốc tế; đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao của xã hội, yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực sau đây:

- *PO1 (Kiến thức)*: Có hệ thống kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức thực tiễn cơ bản về nhà nước và pháp luật, các nguyên lý, học thuyết, kiến thức chuyên môn, hệ thống về các lĩnh vực pháp luật cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn, về hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự, luật dân sự, luật quốc tế và lĩnh vực pháp luật kinh tế chuyên sâu.

- *PO2 (Kỹ năng chuyên môn)*: Hình thành các kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật như: soạn thảo văn bản pháp lý, phân tích hồ sơ vụ việc, phát hiện, giải quyết vấn đề pháp lý nói chung và lĩnh vực pháp luật kinh tế chuyên sâu, tư vấn pháp luật, có khả năng tranh tụng ở mức độ cơ bản; sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

- *PO3 (Năng lực tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề)*: Phát triển năng lực tư duy phản biện, tư duy logic, khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin và giải quyết các vấn đề pháp lý một cách độc lập, sáng tạo và có căn cứ khoa học.

- *PO4 (Phẩm chất và trách nhiệm)*: Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức chuẩn mực, tinh thần thượng tôn pháp luật, ý thức trách nhiệm cao với cộng đồng và xã hội; có thái độ ham học hỏi, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

- *PO5 (Năng lực tự chủ và thích ứng)*: Phát triển năng lực tự học, tự cập nhật kiến thức suốt đời, khả năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả; thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi của môi trường pháp lý, chính trị, kinh tế, xã hội và yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu vào của Chương trình đào tạo

Người học đăng ký xét tuyển vào Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:

a) Về trình độ học vấn:

Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Về năng lực và phẩm chất:

- Đáp ứng các tiêu chí và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo các phương thức tuyển sinh được Trường Đại học Luật Hà Nội công bố hàng năm, phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học;

- Các phương thức xét tuyển đảm bảo đánh giá được, bao gồm nhưng không giới hạn, kiến thức Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của thí sinh.

c) Các yêu cầu khác:

Các điều kiện cụ thể về đối tượng, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, tiêu chí phụ (nếu có), quy trình và hồ sơ đăng ký xét tuyển được quy định chi tiết trong Thông báo tuyển sinh đại học chính quy hàng năm của Trường Đại học Luật Hà Nội.

3.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

a) Về kiến thức (Knowledge)

PLO1 (Kiến thức nền tảng)	Áp dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế học, lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về các nguyên lý, các học thuyết chính trị - pháp lý cơ bản, lịch sử nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp, quyền con người, nghề luật và đạo đức nghề luật, lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật làm nền tảng phát triển tư duy pháp lý và phương pháp học tập suốt đời, nhận thức đầy đủ về pháp luật và trách nhiệm, đạo đức của nghề luật trong xã hội hiện đại.
------------------------------	--

PLO2 (Kiến thức pháp luật chuyên ngành)	Áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật: luật hiến pháp và hành chính, luật hình sự, luật dân sự, luật quốc tế và lĩnh vực pháp luật kinh tế chuyên sâu, gồm: luật thương mại và đầu tư, luật lao động và an sinh xã hội, luật tài chính-ngân hàng, luật cạnh tranh, luật môi trường, luật đất đai và kinh doanh bất động sản; các lĩnh vực liên quan đề nhận diện, phân tích, lập luận và giải quyết các vấn đề pháp lý, chuyên sâu các lĩnh vực.
PLO3 (Kiến thức về bối cảnh xã hội và tác động pháp lý)	Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử và truyền thống dân tộc để phân tích và đánh giá sự tác động của những yếu tố này đến quá trình xây dựng, thi hành và phát triển hệ thống pháp luật

b) Về kỹ năng (Skills)

PLO4 (Kỹ năng giao tiếp & Ngoại ngữ)	Có khả năng giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả; sử dụng phù hợp các kênh giao tiếp trực tiếp và kỹ thuật số; có khả năng sử dụng ngoại ngữ (đạt tối thiểu Bậc 3 Khung NLNNVN) trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.
PLO5 (Kỹ năng nhận thức & Lập luận)	Có kỹ năng tóm tắt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật; Có tư duy phản biện trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề pháp lý nói chung và pháp luật kinh tế nói riêng; Có kỹ năng xây dựng và trình bày các lập luận pháp lý chặt chẽ, logic.
PLO6 (Kỹ năng chuyên môn & thực hành)	Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, tư vấn pháp luật; kỹ năng soạn thảo, quản lý và lưu trữ văn bản pháp lý; kỹ năng diễn đạt, trình bày bằng lời nói hoặc văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý; kỹ năng phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề pháp lý và kỹ năng chuyên sâu về pháp luật kinh tế; kỹ năng trình bày hoặc tranh tụng ở mức độ cơ bản.
PLO7 (Năng lực số & Khai thác thông tin)	Có năng lực ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành; Vận dụng hiệu quả các công cụ số (bao gồm các ứng dụng AI phù hợp với đạo đức và pháp luật) để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và phục vụ công việc chuyên môn.
PLO8 (Kỹ năng nghiên cứu)	Có năng lực thực hiện các bước cơ bản trong quy trình nghiên cứu khoa học pháp lý, bao gồm xác định vấn đề, lập luận, thu thập, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả một cách khoa học và phù hợp, trọng tâm lĩnh vực pháp luật kinh tế.

c) Về mức độ tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility)

PLO9 (Phẩm chất & Trách nhiệm nghề nghiệp)	Trung thành với Tổ quốc; có bản lĩnh, ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, đạo đức nghề luật chuẩn mực; có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; có ý thức phục vụ
---	--

	nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; trung thực, liêm chính, cần trọng, cầu thị, thấu hiểu.
PLO10 (<i>Năng lực làm việc & Thích ứng</i>)	Có khả năng tổ chức và thực hiện công việc hiệu quả, sáng tạo một cách độc lập hoặc theo nhóm; có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; có khả năng thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi của môi trường pháp lý, chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường làm việc số; có khả năng duy trì sức khỏe thể chất và tinh thần.
PLO11 (<i>Năng lực học tập suốt đời</i>)	Xác định được nhu cầu học tập, chủ động lập kế hoạch và thực hiện việc tự học, tự cập nhật kiến thức, rèn luyện kỹ năng (bao gồm cả năng lực số) để không ngừng phát triển bản thân và nâng cao năng lực chuyên môn trong suốt quá trình làm việc.
PLO12 (<i>Trách nhiệm hướng dẫn</i>)	Chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm theo nhóm đối với kết quả công việc; có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

4. BẢNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
1. THÀNH PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: Các học phần thuộc Thành phần giáo dục đại cương gồm 25 tín chỉ, trong đó có 20 tín chỉ các học phần bắt buộc, 05 tín chỉ các học phần tự chọn.									
1.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 20 tín chỉ									
1	Triết học Mác – Lênin	010001	BB	3	24	10	6	5	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	010002	BB	2	16	7	4	3	010001
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010003	BB	2	16	7	4	3	010002
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010004	BB	2	16	7	4	3	010003
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	010005	BB	2	16	7	4	3	010003
6	Ngoại ngữ 1 <i>(Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)</i>								
	Tiếng Anh 1	010007	BB	3	18	12	8	7	
	Tiếng Nga 1	010008	BB	3	18	12	8	7	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
	Tiếng Pháp 1	010009	BB	3	18	12	8	7	
	Tiếng Trung 1	010010	BB	3	18	12	8	7	
	Tiếng Đức 1	010011	BB	3	18	12	8	7	
	Tiếng Nhật 1	010012	BB	3	18	12	8	7	
	Tiếng Việt Pháp lý 1 (áp dụng cho sinh viên nước ngoài)	010013	BB	3	18	12	8	7	
7	Ngoại ngữ 2 (Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)								
	Tiếng Anh 2	010014	BB	4	26	14	10	10	010007
	Tiếng Nga 2	010015	BB	4	26	14	10	10	010008
	Tiếng Pháp 2	010016	BB	4	26	14	10	10	010009
	Tiếng Trung 2	010477	BB	4	26	14	10	10	010010
	Tiếng Đức 2	010018	BB	4	26	14	10	10	010011
	Tiếng Nhật 2	010019	BB	4	26	14	10	10	010012
	Tiếng Việt Pháp lý 2 (áp dụng cho sinh viên nước ngoài)	010020	BB	4	26	14	10	10	010013
8	Tin học	010021	BB	2	12	8	5	5	
1.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 5 tín chỉ									
9	Kinh tế vi mô	010252	TC	3	18	12	8	7	
10	Kinh tế vĩ mô	010023	TC	2	12	8	5	5	
11	Quản trị doanh nghiệp	010021	TC	2	12	8	5	5	
12	Tài chính học	010248	TC	2	12	8	5	5	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
13	Tâm lý học kinh tế	010680	TC	2	12	8	5	5	
2. THÀNH PHẦN CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH: 95 tín chỉ , trong đó các học phần thuộc thành phần cơ sở ngành gồm 19 tín chỉ, thành phần cốt lõi ngành gồm 76 tín chỉ.									
2.1. THÀNH PHẦN CƠ SỞ NGÀNH: Các học phần thuộc thành phần cơ sở ngành gồm 19 tín chỉ, trong đó có 17 tín chỉ các học phần bắt buộc, 02 tín chỉ các học phần tự chọn									
2.1.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 17 tín chỉ									
14	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010030	BB	4	26	14	10	10	
15	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	BB	2	12	8	5	5	
16	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010595	BB	2	12	8	5	5	
17	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	010596	BB	2	12	8	5	5	
18	Luật hiến pháp Việt Nam	010032	BB	4	26	14	10	10	
19	Luật dân sự 1	010039	BB	3	18	12	8	7	010030
2.1.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 02 tín chỉ									
20	Nguyên lý kế toán	010249	TC	2	12	8	5	5	
21	Kinh tế học pháp luật	010258	TC	2	12	8	5	5	
2.2. THÀNH PHẦN CỐT LÕI NGÀNH: Các học phần thuộc thành phần cốt lõi ngành gồm 76 tín chỉ, trong đó có 59 tín chỉ các học phần bắt buộc, 17 tín chỉ các học phần tự chọn.									
2.2.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 59 tín chỉ									
22	Xây dựng văn bản pháp luật	010033	BB	2	12	8	5	5	
23	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010689	BB	4	26	14	10	10	010030 010032
24	Luật hình sự 1	010035	BB	3	18	12	8	7	010030
25	Luật hình sự 2	010036	BB	2	12	8	5	5	010035
26	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	BB	2	12	8	5	5	010035
27	Luật tố tụng hình sự	010038	BB	3	18	12	8	7	010035
28	Luật dân sự 2	010040	BB	2	12	8	5	5	010039

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
29	Luật sở hữu trí tuệ	010597	BB	2	12	8	5	5	010039
30	Luật hôn nhân và gia đình	010041	BB	3	18	12	8	7	010039
31	Luật tố tụng dân sự	010042	BB	3	18	12	8	7	010040
32	Luật thương mại 1	010043	BB	3	18	12	8	7	010039
33	Luật thương mại 2	010044	BB	2	12	8	5	5	010043
34	Luật lao động	010045	BB	3	18	12	8	7	010040
35	Luật tài chính	010046	BB	3	18	12	8	7	010030
36	Luật đất đai	010047	BB	3	18	12	8	7	010689 010040
37	Công pháp quốc tế	010048	BB	4	26	14	10	10	010030 010032
38	Tư pháp quốc tế	010049	BB	4	26	14	10	10	
39	Pháp luật cộng đồng ASEAN	010050	BB	2	12	8	5	5	010048
40	Luật thương mại quốc tế	010051	BB	3	18	12	8	7	010044
41	Luật môi trường	010085	BB	3	18	12	8	7	010689
42	Luật cạnh tranh	010254	BB	3	18	12	8	7	010044
2.2.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 17 tín chỉ (Bao gồm khóa luận tốt nghiệp tương đương 5 tín chỉ hoặc các học phần tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp). Người học lựa chọn khối kiến thức tự chọn theo một trong ba định hướng: - Ngành Luật Kinh tế chọn theo mục 2.2.2.1; - Ngành Luật Kinh tế - Chuyên ngành Luật Tài chính-Ngân hàng chọn theo mục 2.2.2.2; - Ngành Luật Kinh tế - Chuyên ngành Pháp luật Kinh doanh Bất động sản chọn theo mục 2.2.2.3. <i>Lưu ý: Tên Chuyên ngành sẽ được ghi trong phụ lục văn bằng. Việc lựa chọn chuyên ngành phải được đăng ký trước khi chọn các học phần tự chọn ở mục 2.2.2.</i>									
2.2.2.1. KIẾN THỨC TỰ CHỌN NGÀNH LUẬT KINH TẾ: 17 tín chỉ (trong đó, người học được chọn viết Khoá luận tốt nghiệp, tương đương 5 tín chỉ hoặc học các học phần tự chọn thay thế tại mục 2.2.2.1. để được công nhận tốt nghiệp cử nhân ngành Luật Kinh tế)									
43	Luật ngân hàng	010081	TC	3	18	12	8	7	010030
44	Luật đầu tư	010079	TC	2	12	8	5	5	010043
45	Luật an sinh xã hội	010080	TC	2	12	8	5	5	010032
46	Luật kinh doanh bất động sản	010087	TC	2	12	8	5	5	010047
47	Pháp luật lao động đối với một số đối tượng đặc thù	010259	TC	2	12	8	5	5	010045

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
48	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	010264	TC	2	12	8	5	5	010044
49	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	010265	TC	2	12	8	5	5	010030
50	Luật kinh doanh bảo hiểm	010083	TC	3	18	12	8	7	010030
51	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010088	TC	2	12	8	5	5	010047
52	Luật chứng khoán	010267	TC	3	18	12	8	7	010030
53	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010268	TC	2	12	8	5	5	010040
54	Luật môi trường trong kinh doanh	010086	TC	2	12	8	5	5	010030 010032
55	Luật Tài nguyên thiên nhiên	010536	TC	2	12	8	5	5	010253
56	Pháp luật về quản trị nhân sự	010090	TC	3	18	12	8	7	010045
57	Introduction to company law in the United States, EU and the UK (Giới thiệu pháp luật công ty tại Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Anh Quốc)	010624	TC	2	12	8	5	5	010043
58	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	010128	TC	2	12	8	5	5	010044
59	Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010124	TC	2	12	8	5	5	010045
60	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	010110	TC	2	12	8	5	5	010047

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
61	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	010272	TC	2	12	8	5	5	010046
62	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010273	TC	2	12	8	5	5	010043
63	Kỹ năng giải quyết vụ án lao động	010629	TC	2	12	8	5	5	010045
Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế (Thực hiện vào năm thứ 4 của khóa học)									
64	Khóa luận tốt nghiệp (lĩnh vực pháp luật kinh tế)	010637	TC	5	0	0	0	225	
2.2.2.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG: 17 tín chỉ , trong đó chọn 3 tín chỉ thuộc kiến thức tự chọn ngành Luật Kinh tế ¹ để đảm bảo điều kiện tiên quyết và chọn 14 tín chỉ (đối với sinh viên không viết khóa luận tốt nghiệp) hoặc chọn 9 tín chỉ (đối với sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp) các học phần tại mục 2.2.2.2 để được công nhận tốt nghiệp cử nhân ngành Luật Kinh tế, chuyên ngành Luật Tài chính-Ngân hàng.									
65	Fintech Law (Pháp luật về Fintech)	010439	TC	2	12	8	5	5	010030
66	Terms of credit agreement (Các điều khoản của Hợp đồng tín dụng) ²	010438	TC	1	6	4	3	2	010081
67	Pháp luật về quy định nội bộ của các tổ chức tín dụng	010428	TC	2	12	8	5	5	010081
68	Pháp luật về biện pháp bảo đảm trong lĩnh vực ngân hàng	010576	TC	2	12	8	5	5	010081
69	Pháp luật về xếp hạng tín nhiệm đối với các ngân hàng thương mại	010577	TC	2	12	8	5	5	010081

¹ Để đảm bảo điều kiện tiên quyết cho các học phần thuộc chuyên ngành Luật Tài chính – Ngân hàng, sinh viên cần chọn học phần Luật Ngân hàng (3 tín chỉ) trong phần kiến thức tự chọn ngành Luật Kinh tế.

² Dạy bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt theo lựa chọn của người học.

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
70	Pháp luật về tái cơ cấu ngân hàng thương mại	010578	TC	2	12	8	5	5	010081
71	Pháp luật về chứng khoán hoá	010579	TC	2	12	8	5	5	010030
72	Pháp luật về công ty đại chúng	010580	TC	2	12	8	5	5	010030
73	Kỹ năng tư vấn pháp luật về chào bán chứng khoán	010584	TC	2	12	8	5	5	010030
Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật kinh tế, chuyên ngành luật tài chính – ngân hàng (Thực hiện vào năm thứ 4 của khóa học)									
74	Khóa luận tốt nghiệp (lĩnh vực pháp luật tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán)	010641	TC	5	0	0	0	225	
2.2.2.3. KIẾN THỨC TỰ CHỌN NGÀNH LUẬT KINH TẾ: PHÁP LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN: 17 tín chỉ (trong đó, sinh viên được chọn viết Khoá luận tốt nghiệp tương đương 5 tín chỉ hoặc chọn học các học phần thay thế tại mục 2.2.2.3) để được công nhận tốt nghiệp cử nhân ngành Luật Kinh tế, chuyên ngành Pháp luật Kinh doanh Bất động sản.									
75	Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản	010585	TC	2	12	8	5	5	
76	Pháp luật về đầu tư và phát triển bất động sản	010586	TC	2	12	8	5	5	010047
77	Pháp luật về định giá bất động sản	010587	TC	2	12	8	5	5	010047
78	Pháp luật về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng	010588	TC	2	12	8	5	5	010047
79	Pháp luật về kinh doanh quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản	010589	TC	2	12	8	5	5	010047

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
80	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ bất động sản	010590	TC	2	12	8	5	5	010047
81	Pháp luật về huy động vốn trong kinh doanh bất động sản	010592	TC	2	12	8	5	5	010047
82	Pháp luật đất đai của một số nước trên thế giới	010595	TC	1	6	4	3	2	010047
83	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực bất động sản	010271	TC	2	12	8	5	5	010047
Khóa luận tốt nghiệp ngành LKT, chuyên ngành Pháp luật kinh doanh bất động sản (Thực hiện vào năm thứ 4 của khóa học)									
84	Khóa luận tốt nghiệp (lĩnh vực pháp luật đất đai và pháp luật kinh doanh bất động sản)	010644	TC	5	0	0	0	225	
3. THÀNH PHẦN THỰC TẬP, TRẢI NGHIỆM: 09 tín chỉ, gồm 02 tín chỉ tự chọn và 07 tín chỉ bắt buộc									
3.1. Thực tập, trải nghiệm tự chọn (lĩnh vực pháp luật kinh tế): 2 tín chỉ									
85	Thực tập 1 ³	010649	TC	2	12	8	5	5	
86	Phiên tòa giả định	010653	TC	2	12	8	5	5	
87	Thực hành hòa giải, đàm phán	010655	TC	2	12	8	5	5	
3.2. Thực tập, trải nghiệm bắt buộc (lĩnh vực pháp luật kinh tế): 7 tín chỉ									
88	Thực tập 2 ⁴	010651	BB	5					
89	Trải nghiệm	010656	BB	2	12	8	5	5	

5. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

³ Thực hiện từ năm thứ 2 của khóa học

⁴ Thực hiện vào năm thứ 4 của khóa học

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ (bắt buộc và tự chọn) theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- d) Có Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- e) Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ của chương trình đào tạo: tối thiểu bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
- đ) Có đơn gửi Phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

6. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO⁵

6.1. Tiến trình đào tạo VB1 chính quy: 129 tín chỉ (Tối đa 8 học kỳ)

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
HK1 17 TC	Triết học Mác - Lênin	010001	1	3	BB		
	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010030	1	4	BB		
	Luật Hiến pháp Việt Nam	010032	1	4	BB		
	Tin học	010021	1,2,3	2	BB		
	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	1,2,3	2	BB		
	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010595	1,2,3	2	BB		
HK2 18 TC	Luật dân sự 1	010039	1	3	BB	010030	
	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010689	1	4	BB	010030 010032	
	Luật hình sự 1	010035	1	3	BB	010030	
	Ngoại ngữ 1 <i>(Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)</i>						
	Tiếng Anh 1	010007	1,2,3	3	BB		
	Tiếng Nga 1	010008	1,2,3	3	BB		
	Tiếng Pháp 1	010009	1,2,3	3	BB		
	Tiếng Trung 1	010010	1,2,3	3	BB		
	Tiếng Đức 1	010011	1,2,3	3	BB		
	Tiếng Nhật 1	010012	1,2,3	3	BB		
	Tiếng Việt Pháp lý 1 (áp dụng cho sinh viên nước ngoài)	010013	1,2,3	3	BB		

⁵ Tùy vào điều kiện thực tế, Hiệu trưởng có thể xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến trình đào tạo so với tiến trình đã được quy định trong Chương trình đã đào tạo.

	Giáo dục thể chất			3	BB		Không tính vào tổng TC
	Phần tự chọn: Chọn 05 TC thuộc thành phần kiến thức giáo dục đại cương						
	Kinh tế vi mô	010252	1,2,3	03	TC		
	Kinh tế vĩ mô	010023	1,2,3	02	TC		
	Quản trị doanh nghiệp	010021	1,2,3	02	TC		
	Tài chính học	010248	1,2,3	02	TC		
	Tâm lý học kinh tế	010680	1,2,3	02	TC		
HK3 21 TC	Luật thương mại 1	010043	1	3	BB	010039	
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	010002	1,2,3	2	BB	010001	
	Luật dân sự 2	010040	1,2,3	2	BB	010039	
	Ngoại ngữ 2 (Người học đăng ký một trong các học phần ngoại ngữ dưới đây)						
	Tiếng Anh 2	010014	1	4	BB	010007	
	Tiếng Nga 2	010015	1	4	BB	010008	
	Tiếng Pháp 2	010016	1	4	BB	010009	
	Tiếng Trung 2	010477	1	4	BB	010010	
	Tiếng Đức 2	010018	1	4	BB	010011	
	Tiếng Nhật 2	010019	1	4	BB	010012	
	Tiếng Việt Pháp lý 2 (áp dụng cho sinh viên nước ngoài)	010020	1	4	BB	010013	
	Luật tài chính	010046	1	3	BB	010030	
	Luật môi trường	010085	1,2,3	3	BB	010689	
	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	010596	1,2,3	2	BB		
	Phần tự chọn: Chọn 02 TC thuộc thành phần cơ sở ngành						
HK4 20 TC	Nguyên lý kế toán	010249	1,2,3	02	TC		
	Kinh tế học pháp luật	010258	1,2,3	02	TC		
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010003	1	2	BB	010002	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010004	1,2,3	2	BB	010003	
	Luật thương mại 2	010044	1	2	BB	010043	
	Luật lao động	010045	1	3	BB	010040	
	Luật đất đai	010047	1	3	BB	010689 010040	
	Luật cạnh tranh	010254	2,3	3	BB	010044	
	Luật tổ tụng dân sự	010042	1	3	BB	010040	
	Xây dựng văn bản pháp luật	010033	1,2,3	2	BB		
HK5 21 TC	Giáo dục Quốc phòng – An ninh				BB		Không tính vào tổng TC
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	010005	1,2,3	2	BB	010003	
	Luật hình sự 2	010036	1,2,3	2	BB	010035	
	Luật hôn nhân và gia đình	010041	1	3	BB	010039	

	Công pháp quốc tế	010048	1	4	BB	010030 010032	
	Tư pháp quốc tế	010049	1	4	BB		
	Phần Tự chọn của ngành Luật Kinh tế: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Luật ngân hàng	010081	1,2,3	3	TC	010030	
	Luật đầu tư	010079	1,2,3	2	TC	010043	
	Luật an sinh xã hội	010080	1,2,3	2	TC	010032	
	Luật chứng khoán	010267	1,2,3	3	TC	010030	
	Luật kinh doanh bất động sản	010087	1,2,3	2	TC	010047	
	Introduction to company law in the United States, EU and the UK (<i>Giới thiệu pháp luật công ty tại Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Anh Quốc</i>)	010624	1,2,3	2	TC	010043	
	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010268	1,2,3	2	TC	010040	
	Luật môi trường trong kinh doanh	010086	1,2,3	2	TC	010030 010032	
	Phần Tự chọn của ngành Luật Kinh tế, chuyên ngành Luật Tài chính –Ngân hàng: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Luật ngân hàng	010081	1	3	TC	010030	
	Terms of credit agreement (<i>Các điều khoản của Hợp đồng tín dụng</i>) ⁶	010438	2 – 3	1	TC	010081	
	Fintech Law (<i>Pháp luật về Fintech</i>)	010439	1,2,3	2	TC	010030	
	Pháp luật về công ty đại chúng	010580	1,2,3	2	TC	010030	
	Phần Tự chọn ngành Luật Kinh tế - chuyên ngành Pháp luật kinh doanh bất động sản: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản	010585	1,2,3	2	TC	010023	
	Pháp luật về đầu tư và phát triển bất động sản	010586	1,2,3	2	TC	010047	
	Pháp luật về định giá bất động sản	010587	1,2,3	2	TC	010047	
	Pháp luật về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng	010588	1,2,3	2	TC	010047	
HK6 20 TC	Luật tố tụng hình sự	010038	1	3	BB	010035	
	Luật thương mại quốc tế	010051	1	3	BB	010044	
	Luật sở hữu trí tuệ	010597	1,2,3	2	BB	010039	
	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	1,2,3	2	BB	010035	

⁶ Dạy bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt theo lựa chọn của người học

	Pháp luật cộng đồng ASEAN	010050	1,2,3	2	BB	010048	
	Trải nghiệm	010656	1,2,3	2	BB		
	Phần Tự chọn của ngành Luật Kinh tế: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Pháp luật lao động đối với một số đối tượng đặc thù	010259	1,2,3	2	TC	010045	
	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	010264	1 - 3	2	TC	010044	
	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	010265	1,2,3	2	TC	010030	
	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010088	1,2,3	2	TC	010047	
	Luật Tài nguyên thiên nhiên	010536	1,2,3	2	TC	010253	
	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	010128	1,2,3	2	TC	010044	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	010110	1,2,3	2	TC	010047	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	010272	1,2,3	2	TC	010046	
	Kỹ năng giải quyết vụ án lao động	010637	1,2,3	2	TC	010045	
	Phần Tự chọn của ngành Luật Kinh tế, chuyên ngành Luật Tài chính –Ngân hàng: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Pháp luật về chứng khoán hoá	010579	1,2,3	2	TC	010030	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật về chào bán chứng khoán	010584	1,2,3	2	TC	010030	
	Pháp luật về quy định nội bộ của các tổ chức tín dụng	010577	1,2,3	2	TC	010081	
	Pháp luật về biện pháp bảo đảm trong lĩnh vực ngân hàng	010578	1,2,3	2	TC	010081	
	Phần Tự chọn ngành Luật Kinh tế - chuyên ngành Pháp luật kinh doanh bất động sản: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Pháp luật về huy động vốn trong kinh doanh bất động sản	010592	1,2,3	2	TC	010047	
	Pháp luật về kinh doanh quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản	010587	1,2,3	2	TC	010047	
	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ bất động sản	010088	1,2,3	2	TC	010047	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực bất động sản	010271	1,2,3	2	TC	010047	
HK7	Thực tập 2	010651	1,2,3	5	BB		

07 TC	Thực tập, trải nghiệm tự chọn (lĩnh vực pháp luật kinh tế): Chọn 2 tín chỉ thuộc thành phần thực tập, trải nghiệm						
	Thực tập 1	010649	1,2,3	2	TC		
	Phiên tòa giả định	010653	1,2,3	2	TC		
	Thực hành hòa giải, đàm phán	010655	1,2,3	2	TC		
HK8 05 TC	Khóa luận tốt nghiệp:			05	TC		
	Sinh viên chọn viết Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật kinh tế hoặc chuyên ngành chuyên sâu (nếu đủ điều kiện theo quy định của Trường) hoặc đăng ký học và thi các học phần tự chọn thuộc Thành phần cốt lõi ngành tương ứng: 05 tín chỉ trong các học phần dưới đây ⁷						
	Ngành Luật kinh tế: chọn 5TC thay thế khóa luận trong các môn:						
	Luật kinh doanh bảo hiểm	010070	1,2,3	3	TC	010030	
	Pháp luật về quản trị nhân sự	010262	1,2,3	3	TC	010045	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010270	1,2,3	2	TC	010045	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010271	1,2,3	2	TC	010043	
	Chuyên ngành Luật Tài chính – Ngân hàng: chọn 5TC thay thế khóa luận trong các môn:						
	Pháp luật về xếp hạng tín nhiệm đối với các ngân hàng thương mại	010577	1,2,3	2	TC	010081	
	Pháp luật về tái cơ cấu ngân hàng thương mại	010578	1,2,3	2	TC	010081	
	<i>Các học phần sinh viên chưa học thuộc thành phần kiến thức cốt lõi ngành của chuyên ngành Luật Tài chính – Ngân hàng</i>		1,2,3	1–2	TC		
	Chuyên ngành Pháp luật kinh doanh bất động sản: chọn 5TC thay thế khóa luận trong các môn:						
	Pháp luật đất đai của một số nước trên thế giới	010595	1,2,3	1	TC	010047	
	<i>Các học phần sinh viên chưa học thuộc thành phần kiến thức cốt lõi ngành của chuyên ngành Pháp luật Kinh doanh bất động sản</i>		1,2,3	4	TC		

⁷ Sinh viên chọn theo Ngành Luật Kinh tế hoặc Chuyên ngành Luật tài chính – Ngân hàng hoặc Chuyên ngành pháp luật Kinh doanh bất động sản

6.2. Tiến trình đào tạo VB2 hệ chính quy: 109 tín chỉ⁸ (Tối đa 5 học kỳ)

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
HK1 22 TC	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010030	1	4	BB		
	Luật Hiến pháp Việt Nam	010032	1	4	BB		
	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010689	1	4	BB	010030 010032	
	Luật dân sự 1	010039	1	3	BB	010030	
	Luật hình sự 1	010035	1	3	BB	010030	
	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	1,2,3	2	BB		
	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010595	1,2,3	2	BB		
HK2 22 TC	Luật thương mại 1	010043	1	3	BB	010039	
	Luật dân sự 2	010040	1,2,3	2	BB	010039	
	Luật tài chính	010046	1	3	BB	010030	
	Luật môi trường	010085	1,2,3	3	BB	010689	
	Xây dựng văn bản pháp luật	010033	1,2,3	2	BB		
	Công pháp quốc tế	010048	1	4	BB	010030 010032	
	Phần tự chọn: Chọn 05 TC thuộc thành phần kiến thức giáo dục đại cương						
	Kinh tế vi mô	010252	1,2,3	03	TC		
	Kinh tế vĩ mô	010023	1,2,3	02	TC		
	Quản trị doanh nghiệp	010021	1,2,3	02	TC		
	Tài chính học	010248	1,2,3	02	TC		
	Tâm lý học kinh tế	010680	1,2,3	02	TC		
HK3 23 TC	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	010596	1,2,3	2	BB		
	Luật thương mại 2	010044	1	2	BB	010043	
	Luật lao động	010045	1	3	BB	010040	
	Luật đất đai	010047	1	3	BB	010689 010040	
	Luật cạnh tranh	010254	2,3	3	BB	010044	
	Luật tổ tụng dân sự	010042	1	3	BB	010040	
	Luật hình sự 2	010036	1,2,3	2	BB	010035	
	Luật hôn nhân và gia đình	010041	1	3	BB	010039	
	Phần tự chọn: Chọn 02 TC thuộc thành phần cơ sở ngành						
	Nguyên lý kế toán	010249	1,2,3	02	TC		
	Kinh tế học pháp luật	010258	1,2,3	02	TC		
HK4	Luật tổ tụng hình sự	010038	1	3	BB	010035	

⁸ Được miễn khỏi kiến thức Giáo dục đại cương (phần bắt buộc)

24 TC	Tư pháp quốc tế	010049	1	4	BB		
	Luật thương mại quốc tế	010051	1	3	BB	010044	
	Luật sở hữu trí tuệ	010597	1,2,3	2	BB	010039	
	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	1,2,3	2	BB	010035	
	Pháp luật cộng đồng ASEAN	010050	1,2,3	2	BB	010048	
	Trải nghiệm	010656	1,2,3	2	BB		
	Phần Tự chọn của ngành Luật Kinh tế: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Luật ngân hàng	010081	1,2,3	3	TC	010030	
	Luật đầu tư	010079	1,2,3	2	TC	010043	
	Luật an sinh xã hội	010080	1,2,3	2	TC	010032	
	Luật chứng khoán	010267	1,2,3	3	TC	010030	
	Luật kinh doanh bất động sản	010087	1,2,3	2	TC	010047	
	Introduction to company law in the United States, EU and the UK (<i>Giới thiệu pháp luật công ty tại Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Anh Quốc</i>)	010624	1,2,3	2	TC	010043	
	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010268	1,2,3	2	TC	010040	
	Luật môi trường trong kinh doanh	010086	1,2,3	2	TC	010030 010032	
HK5 18 TC	Phần Tự chọn của ngành Luật Kinh tế: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Pháp luật lao động đối với một số đối tượng đặc thù	010259	1,2,3	2	TC	010045	
	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	010264	1 - 3	2	TC	010044	
	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	010265	1,2,3	2	TC	010030	
	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010088	1,2,3	2	TC	010047	
	Luật Tài nguyên thiên nhiên	010536	1,2,3	2	TC	010253	
	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	010128	1,2,3	2	TC	010044	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	010110	1,2,3	2	TC	010047	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	010272	1,2,3	2	TC	010046	
	Kỹ năng giải quyết vụ án lao động	010629	1,2,3	2	TC	010045	
	Thực tập 2	010651	1,2,3	5	BB		
	Khóa luận tốt nghiệp			05	TC		

Sinh viên chọn viết Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật kinh tế (nếu đủ điều kiện theo quy định của Trường) hoặc đăng ký học và thi các học phần tự chọn thuộc Thành phần cốt lõi ngành tương ứng: 05 tín chỉ trong các học phần dưới đây ⁹						
Ngành Luật kinh tế: chọn 5TC thay thế khóa luận trong các môn:						
Luật kinh doanh bảo hiểm	010070	1,2,3	3	TC	010030	
Pháp luật về quản trị nhân sự	010262	1,2,3	3	TC	010045	
Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010270	1,2,3	2	TC	010045	
Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010271	1,2,3	2	TC	010043	
Thực tập, trải nghiệm tự chọn (lĩnh vực pháp luật kinh tế): Chọn 2 tín chỉ thuộc thành phần thực tập, trải nghiệm						
Thực tập 1	010649	1,2,3	2	TC		
Phiên tòa giả định	010653	1,2,3	2	TC		
Thực hành hòa giải, đàm phán	010655	1,2,3	2	TC		

6.3. Tiến trình đào tạo VB2 hệ vừa làm vừa học: 109 tín chỉ¹⁰ (Tối đa 6 học kỳ)

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
HK1 18 TC	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010030	1	4	BB		
	Luật Hiến pháp Việt Nam	010032	1	4	BB		
	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010689	1	4	BB	010030 010032	
	Luật hình sự 1	010035	1	3	BB	010030	
	Luật dân sự 1	010039	1	3	BB	010030	
HK2 20 TC	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	1,2,3	2	BB		
	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010595	1,2,3	2	BB		
	Luật thương mại 1	010043	1	3	BB	010039	
	Luật tài chính	010046	1	3	BB	010030	
	Luật môi trường	010085	1,2,3	3	BB	010689	
	Luật dân sự 2	010040	1,2,3	2	BB	010039	
	Phần tự chọn: Chọn 05 TC thuộc thành phần kiến thức giáo dục đại cương						
	Kinh tế vi mô	010252	1,2,3	03	TC		
	Kinh tế vĩ mô	010023	1,2,3	02	TC		
	Quản trị doanh nghiệp	010021	1,2,3	02	TC		
	Tài chính học	010248	1,2,3	02	TC		

⁹ Sinh viên chọn theo Ngành Luật Kinh tế hoặc Chuyên ngành Luật tài chính – Ngân hàng hoặc chuyên ngành pháp luật Kinh doanh bất động sản

¹⁰ Được miễn khỏi kiến thức Giáo dục đại cương (phần bắt buộc)

	Tâm lý học kinh tế	010680	1,2,3	02	TC		
HK3 20 TC	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	010596	1,2,3	2	BB		
	Luật thương mại 2	010044	1	2	BB	010043	
	Luật lao động	010045	1	3	BB	010040	
	Luật đất đai	010047	1	3	BB	010689 010040	
	Xây dựng văn bản pháp luật	010033	1,2,3	2	BB		
	Luật hình sự 2	010036	1,2,3	2	BB	010035	
	Công pháp quốc tế	010048	1	4	BB	010030 010032	
	Phân tự chọn: Chọn 02 TC thuộc thành phần cơ sở ngành						
	Nguyên lý kế toán	010249	1,2,3	02	TC		
	Kinh tế học pháp luật	010258	1,2,3	02	TC		
HK4 20 TC	Luật cạnh tranh	010254	2,3	3	BB	010044	
	Luật tố tụng dân sự	010042	1	3	BB	010040	
	Tư pháp quốc tế	010049	1	4	BB		
	Luật sở hữu trí tuệ	010597	1,2,3	2	BB	010039	
	Trải nghiệm	010656	1,2,3	2	BB		
	Phân Tự chọn của ngành Luật Kinh tế: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Luật ngân hàng	010081	1,2,3	3	TC	010030	
	Luật đầu tư	010079	1,2,3	2	TC	010043	
	Luật an sinh xã hội	010080	1,2,3	2	TC	010032	
	Luật chứng khoán	010267	1,2,3	3	TC	010030	
	Luật kinh doanh bất động sản	010087	1,2,3	2	TC	010047	
	Introduction to company law in the United States, EU and the UK (<i>Giới thiệu pháp luật công ty tại Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Anh Quốc</i>)	010624	1,2,3	2	TC	010043	
HK5 19 TC	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010268	1,2,3	2	TC	010040	
	Luật môi trường trong kinh doanh	010086	1,2,3	2	TC	010030 010032	
	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	1,2,3	2	BB	010035	
	Luật tố tụng hình sự	010038	1	3	BB	010035	
	Luật hôn nhân và gia đình	010041	1	3	BB	010039	
	Luật thương mại quốc tế	010051	1	3	BB	010044	
	Pháp luật cộng đồng ASEAN	010050	1,2,3	2	BB	010048	
	Phân Tự chọn của ngành Luật Kinh tế: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Pháp luật lao động đối với một số đối tượng đặc thù	010259	1,2,3	2	TC	010045	

	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	010264	1 - 3	2	TC	010044	
	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	010265	1,2,3	2	TC	010030	
	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010088	1,2,3	2	TC	010047	
	Luật Tài nguyên thiên nhiên	010536	1,2,3	2	TC	010253	
	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	010128	1,2,3	2	TC	010044	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	010110	1,2,3	2	TC	010047	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	010272	1,2,3	2	TC	010046	
	Kỹ năng giải quyết vụ án lao động	010629	1,2,3	2	TC	010045	
HK6 12 TC	Thực tập 2	010651	1,2,3	5	BB		
	Khóa luận tốt nghiệp:		1,2,3	5	TC		
	Sinh viên chọn viết Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật kinh tế (nếu đủ điều kiện theo quy định của Trường) hoặc đăng ký học và thi các học phần tự chọn thuộc Thành phần cốt lõi ngành tương ứng: 05 tín chỉ trong các học phần dưới đây ¹¹						
	Ngành Luật kinh tế: chọn 5TC thay thế khóa luận trong các môn:						
	Luật kinh doanh bảo hiểm	010070	1,2,3	3	TC	010030	
	Pháp luật về quản trị nhân sự	010262	1,2,3	3	TC	010045	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010270	1,2,3	2	TC	010045	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010271	1,2,3	2	TC	010043	
	Thực tập, trải nghiệm tự chọn (lĩnh vực pháp luật kinh tế): Chọn 2 tín chỉ thuộc thành phần thực tập, trải nghiệm						
	Thực tập 1	010649	1,2,3	2	TC		
	Phiên tòa giả định	010653	1,2,3	2	TC		
	Thực hành hòa giải, đàm phán	010655	1,2,3	2	TC		

¹¹ Sinh viên chọn theo Ngành Luật Kinh tế hoặc Chuyên ngành Luật tài chính – Ngân hàng hoặc chuyên ngành pháp luật kinh doanh bất động sản